

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 415/2023/DS-PT

Ngày: 03- 8- 2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyết Linh;

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Gò C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 670/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã Long H, Thị xã Gò C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp C, xã Long H, Thị xã Gò C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho ông T là: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số 301 Âu C, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 19/6/2023).

2. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C1, xã Long H, Thị xã Gò C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Ngày 10.01.2021 al bà N mở 02 dây hụi, mỗi dây có 19 phần hụi bà H, ông T tham gia 02 dây, 02 phần, vô bà H bỏ kỳ đầu, bỏ hụi 450.000 đồng hốt số tiền 1.550.000 đồng x 18 phần x 2 dây. Hốt được số tiền 53.800.000 đồng. Bà N giao hụi cho bà H, ông T nhận, ký vào giấy nhận tiền, đóng lại được mỗi dây 02 kỳ hụi, sau đó còn lại 16 kỳ hụi của hai dây hụi, không đóng luôn tới mãn hụi. Hụi mãn vào ngày 10/7/2022 al. Bà N đã chàng cho các chị em có tham gia góp hụi. Nay bà N yêu cầu bà H, ông T phải trả tiền hụi chết cho bà tổng cộng 16 x 2.000.000 đồng x 2= 64.000.000 đồng và lãi suất chậm trả, lấy mức lãi 0,83%/tháng tính tròn 10 tháng (kể từ ngày 11/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm) bằng số tiền 5.312.000 đồng. Như vậy bà H, ông T phải có nghĩa vụ trả cho Bà N số tiền 69.312.000 đồng, trả 01 lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, tại biên bản lấy lời khai ông T trình bày:*

Ông là chồng của bà H, vợ chồng ông có đăng ký kết hôn, mấy năm nay ông bệnh, vợ ông là lao động chính trong gia đình, vợ ông có xe bán com để nuôi gia đình. Mọi sinh hoạt cần thiết trong gia đình đều do vợ ông buôn bán, làm ăn nuôi gia đình. Việc vợ ông chơi hụi với bà N ông chỉ nghe N chứ không biết và ông cũng không có kí nhận tiền hụi của bà N. Tự vợ ông với bà N hai người làm ăn gì với nhau chứ ông không có chơi hụi hay giao dịch tiền hụi gì với bà N. Bà N yêu cầu ông cùng trả nợ với vợ ông ông không đồng ý. Ông bị bệnh nên không đến theo giấy triệu tập của Tòa án.

** Bị đơn bà Hồ Thị H trình bày:* Bà không có trực tiếp chơi hụi hay nhận tiền hụi gì của bà N giao mà bà có vay tiền của bà N lâu rồi, bà N tính lãi cao đến giờ đưa qua tiền hụi chứ bà không có nhận khoản tiền nào của bà N giao. Bà thừa nhận bà vay tiền nhưng chưa trả tiền nên bà N cho bà chơi 02 phần hụi: Hụi vào ngày 10/11/2021 hụi 2.000.000 gồm 19 phần bà tham gia 02 phần giấy bà N cung cấp cho tòa do bà N ghi, bà đồng ý bà có ghi vào phần cuối cùng của tờ giấy. (*Tôi H có ghi “ có nhận, số tiền 53.800.000 đồng kí tên T H vợ Hồ Thị H chồng Nguyễn Văn T 53.800.000 đồng.* Bà thừa nhận một mình bà ghi tên bà, và ghi tên chồng bà vào) bà không nhận tiền mặt từ bà N mà bà N trừ qua tiền lãi. Bà chỉ N không nêu được chứng cứ, hay nhân chứng gì chứng minh việc bà N cho bà vay và trừ tiền lãi và cũng không có hợp đồng vay. Đồng thời bà thừa nhận số tiền

chơi hội để buôn bán phục vụ đời sống hằng ngày của gia đình gồm vợ chồng bà và hai cháu của bà và bà đóng lãi của tiền gốc 160.000.000 đồng từ năm 2019 đến năm 2021 tổng cộng là 276.000.000 đồng, mùa dịch bà không có tiền trả nên bà N sang hội kiện bà. Bà không có chứng cứ, nhân chứng nào chứng minh cho lời trình bày của bà trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay. Bà cũng không yêu cầu giám định chữ viết chữ ký của ông T chồng bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Gò C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 471 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của UB TVQH14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N tổng cộng số tiền 64.000.000 đồng (*sáu mươi bốn triệu đồng*), thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc ông T và bà H phải chịu 3.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/5/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, với các lý do:

Thứ nhất, số tiền hội do bà Hồ Thị H tham gia với bà Nguyễn Thị N, ông T không có tham gia và không ký tên xác nhận nên ông không đồng ý liên đới với bà H trả số tiền nợ 64.000.000 đồng và đề nghị Tòa án phúc thẩm T hành giám định chữ ký, chữ viết trong các biên nhận nợ hội.

Thứ hai, số tiền nợ hội của bà H đối với bà Nguyễn Thị N, bà N đã khởi kiện và đã được xét xử theo bản án số 105/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án

nhân dân Thị xã Gò C và bản án số 269/2022/DS-PT ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Chị Nguyễn Thị A là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo xin rút lại nội dung đề nghị giám định chữ ký, chữ viết tên ông T trong giấy nợ hụi. Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y quyết định án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N buộc bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N 64.000.000 đ tiền nợ hụi là có căn cứ phù hợp với luật định. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đề nghị. Xét thấy:

[1] Về thời hạn kháng cáo:

Bị đơn Nguyễn Văn T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định đúng theo Điều 271; 272; 273; 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn Nguyễn Văn T ủy quyền cho Nguyễn Thị A đại diện tham gia tố tụng. Việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 85; 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền nợ của 02 dây hụi do nguyên đơn làm chủ hụi cho bị đơn tham gia đã hốt hết mà không đóng hụi chết với số tiền 64.000.000 đồng.

Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng với tính chất của vụ án, tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 280, 288, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, biếu, phưởng.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là chủ hụi, ngày 10/01/2021 AL bà mở 02 dây hụi, mỗi dây có 19 phần, mỗi phần 2.000.000đ/tháng. Bà cho bà H tham gia 02 dây, 02 phần. Bà H vào bỏ hụi 450.000 hốt hụi kỳ đầu tiên, hốt được số tiền (1.550.000 đ x 18 phần x 02 dây) là 53.800.000 đ. Sau khi hốt bà H đóng được mỗi dây 2 kỳ hụi chết còn lại 16 kỳ thì không đóng nên bà phải đóng thay cho đến khi mãn hụi vào ngày 10/7/2022 AL thành tiền (16 x 2.000.000 đ x 2 dây) bằng 64.000.000 đ.

Bà N khởi kiện yêu cầu bà H, ông T trả 64.000.000 đ tiền nợ hụi và tính lãi suất 0,83%/tháng x 10 tháng = 5.312.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà N rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ đòi bà H và ông T trả nợ hụi 64.000.000 đ (BL 71).

[3.2] Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Việc vợ ông chơi hụi với bà N ông chỉ nghe nhưng không biết, không có ký tên nhận tiền hụi của bà N nên ông không đồng ý cùng với vợ là bà H trả nợ theo yêu cầu của bà N.

[3.3] Bị đơn Hồ Thị H trình bày: Bà có vay tiền của bà N từ năm 2019 đến năm 2021 tổng cộng 160.000.000đ nhưng chưa trả nên bà N cho bà tham gia 02 phần hụi khai ngày 10/01/2021 để hốt hụi đóng lãi, số tiền lãi đã đóng thành 276.000.000đ. Bà thừa nhận có ghi ký tên nhận số tiền 53.800.000 đ vào tờ giấy bà N làm chứng cứ khởi kiện và tự ghi luôn tên chồng bà vào tờ giấy nợ nhưng bà không có nhận tiền mặt mà bà N trừ qua tiền lãi.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà H, ông T liên đới nghĩa vụ trả cho bà N 64.000.000 đ tiền nợ hụi.

Sau khi Tòa sơ thẩm xử ông Nguyễn Văn T không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T nhận thấy:

Bà Hồ Thị H là vợ của ông Nguyễn Văn T thừa nhận có tham gia 02 phần hụi của 02 dây hụi 2.000.000 đ gồm 19 phần do bà Nguyễn Thị N làm chủ khai ngày 10/01/2021 và bà cũng thừa nhận có ký nhận 53.800.000 đ tiền hốt hụi trong tờ giấy nợ do bà N làm chứng cứ khởi kiện bà (BL 18, 55, 62, 63) số tiền bà nhận làm vốn buôn bán phục vụ cho đời sống hàng ngày của gia đình, chồng và hai cháu (BL 17, 18). Tòa sơ thẩm xử buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên

đổi trả cho bà N 64.000.000 đ nợ hui. Nhưng bà H không kháng cáo xem như bà H chấp nhận quyết định của án sơ thẩm, còn ông Nguyễn Văn T lại kháng cáo. Trong khi bản thân ông T cũng khai nhận: Vợ chồng ông còn sống chung, bà H là người lao động chính trong gia đình, việc buôn bán xoay sở nuôi gia đình là do một mình vợ ông lo vì ông bị bệnh tiểu đường không có làm phụ vợ (BL 17a).

[5] Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25, 26 của Luật này.

2. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng quy định: Vợ chồng có các nghĩa vụ về tài sản sau đây:

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Do đó Tòa cấp sơ thẩm xử buộc ông T có nghĩa vụ liên đới với bà H trả nợ cho bà N là có căn cứ phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Ông T kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm trung cầu giám định chữ viết, chữ ký trong biên nhận nợ, yêu cầu này của ông T không cần thiết phải giám định. Bởi lẽ bà H đã thừa nhận có ký tên vào tờ giấy nhận tiền hót hui do bà N giao, còn tên Nguyễn Văn T là do bà H tự viết, nguyên đơn bà N cũng xác nhận lời khai của bà H là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A là người đại diện cho ông T cũng rút lại yêu cầu này.

Vì vậy theo các quy định trên, thì dù ông T không ký nhận nợ ông vẫn phải có nghĩa vụ liên đới với bà H trả nợ như đã phân tích, nên giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

[7] Đối với phần kháng cáo ông T nêu số tiền nợ hui bà N khởi kiện đã được Tòa sơ thẩm xét xử tại bản án số 105/2022/DSST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Gò C và bản án phúc thẩm số 269/2022/DSPT ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Nhưng theo nội dung khởi kiện và quyết định xét xử của hai bản án nêu trên, hoàn toàn không thể hiện có giải quyết số nợ hai dây hui 2.000.000đ của 19 phần khai ngày 10/01/2021 AL. Quá trình giải quyết bà H, ông T cũng không có ý kiến gì về vấn đề ông T nêu trong vụ án trước nên lý do ông T nêu trong đơn kháng cáo không có cơ sở.

thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX. G;
- Chi cục THADS TX. G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải

